

TỔNG QUAN VỀ ĐÌNH LÀNG Ở HỘI AN

Nguyễn Chí Trung

Trải bao thăng trầm, biến cố lịch sử để hình thành và phát triển, cộng đồng cư dân Hội An - Xứ Quảng được xem là một trong những địa phương mẫu hình về **hành xử** trên từng bước đường **hành tiến về phương Nam** của dân tộc Việt. Điều đó được khẳng định trên nhiều mặt của cơ tầng - cấu trúc kinh tế - văn hóa - xã hội ở nơi đây. Trong phạm vi của chuyên khảo này chúng tôi chỉ xin trình bày tổng quan về đình làng, một loại hình thiết chế văn hóa giữ vai trò chủ đạo trong tín ngưỡng cộng đồng của hầu hết các làng - xã, thôn - ấp ở Hội An.

Trước hết, nói về đình làng Việt Nam, cho đến nay vẫn còn nhiều giả thuyết khác nhau về thời điểm xuất hiện và nguồn gốc. Có ý kiến cho rằng, đình vốn là hành cung của vua, được xây dựng dành cho vua khi đi tuần thú, sau mới thành đình làng. Có ý kiến khác cho rằng, vào thời Lý ở Thăng Long, người ta xây dựng những phượng đình (có quy mô nhỏ) để dán các thông báo của chính quyền, hoặc là nơi người ta tuyên cáo các văn kiện của nhà vua. Sau đó kiến trúc loại này tỏa về làng với chức năng như trụ sở hành chính của làng. Một vài ý kiến cho rằng đình làng có thể bắt nguồn từ các kiến trúc thờ thần đất và thần nước. Các cư dân Việt cổ trong tín ngưỡng bản địa, sùng bái thần đất và thần nước che chở nuôi sống họ... Dù quan điểm như thế nào thì đến nay các

nhà nghiên cứu cũng đều cơ bản thống nhất rằng, đình làng là một thiết chế văn hóa - tín ngưỡng tổng hợp, có ba chức năng. **Chức năng Tín ngưỡng:** với hệ thống đa nguyên, đó là hệ thống pha lẫn nhiều yếu tố tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp, tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ mẹ, các thần sức mạnh tự nhiên; tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, những người anh hùng và có phần ảnh hưởng của đạo Phật, đạo Nho. **Chức năng hành chính:** mọi công việc về hành chính của làng đều được tiến hành ở đây, từ việc xét xử các vụ tranh chấp, phạt vạ, khao vọng, thu tô thuế đến việc bắt lính, việc sưu dịch... Chức năng này là biểu tượng của tính tự trị và sự cố kết cộng đồng của làng xã Việt Nam. **Chức năng văn hóa:** Đình làng là trung tâm sinh hoạt văn hóa của cả làng và đỉnh cao của các hoạt động văn hóa ở đình làng là ngày cúng tế, lễ hội, gây ấn tượng nhất trong năm đối với cả dân làng.

Ở Hội An, để hiểu rõ về ngôi đình làng chúng ta cũng cần phải đặt trên nền tảng về đặc điểm hình thành khối cộng đồng dân cư Hội An - Xứ Quảng trong lịch sử, cả về cơ tầng kinh tế - xã hội. Bởi đây chính là nền tảng, cơ sở tạo nên sự khác biệt trên cả 3 chức năng của đình làng ở Hội An so với ngôi đình làng ở vùng đồng Bắc bộ và cả Bắc Trung bộ của Việt Nam. Cho đến nay, bằng những nguồn sử liệu, tư liệu gia phả, bia ký, tư

liệu khảo cổ học và qua thực địa đã khẳng định người Việt kế tiếp người Chăm là một bộ phận cư dân cơ bản, chủ nhân chính của khối cộng đồng cư dân Hội An ngày nay. Về nguồn gốc của cư dân Hội An chủ yếu là dân cư Đại Việt, một số ít ở đồng bằng Bắc bộ, còn đại bộ phận ở Bắc Trung bộ, vùng Thanh Hóa - Nghệ An - Hà Tĩnh. Trong đó có một số đã di chuyển vào Thuận Hóa hoặc một số nơi khác ở Quảng Nam sau đó lại tiếp tục di chuyển đến Hội An.

Trong buổi sơ khai lúc ban đầu vào đây họ chủ yếu sinh sống bằng các nghề cổ truyền là nông nghiệp - làm ruộng lúa nước, trồng các loại cây rau màu, hoa quả... Một số cư dân đã dựa vào địa thế biển rộng, sông ngòi chằng chịt của vùng hạ lưu cửa sông, ven biển rộng lớn ở đây để khai thác đánh bắt hải sản (cá, tôm,

mực)... và một số ngành nghề thủ công nghiệp như gốm, dệt, mộc... để phục vụ cho nhu cầu của buổi sơ khai ban đầu đó. Có kết hợp nông nghiệp, ngư nghiệp và thủ công nghiệp từ đó tất nhiên có chợ, bến để trao đổi buôn bán giữa các làng với nhau và với thuyền buôn nước ngoài. Trên cơ sở có đứt gãy, gián đoạn mà cũng có tiếp nối kinh nghiệm sản xuất, truyền thống văn hóa Việt, tiếp thu kinh nghiệm sản xuất, văn hóa của người Chăm trong làm ăn sinh sống, kỹ thuật khai thác, kỹ thuật sản xuất và kinh tế buôn bán, cùng các hình thức sinh hoạt kinh tế, văn hóa tương ứng.

Rồi cùng với năm tháng, thời gian lịch sử, với bản tính cần cù thông minh sáng tạo của con người Đại Việt trên mảnh đất được thiên nhiên ưu đãi, nền kinh tế ở đây không ngừng phát triển



Dinh Dê Vong

theo hướng chuyên nghề, chuyên ngành, sớm tạo nên sự hình thành nhiều làng xã có điều kiện sinh hoạt kinh tế khác nhau về cơ bản như làng nông nghiệp, làng ngư nghiệp, làng buôn/thương nghiệp, làng nông nghiệp gắn với ngư nghiệp, làng nông nghiệp gắn với tiểu thủ công nghiệp (như mộc, gốm, khai thác yến sào...)... Đó là yếu tố cơ bản, nguyên nhân sâu xa, đề cùn với yếu tố vị trí địa, lịch sử thương mại quốc tế... tạo thành điều kiện đủ - yếu tố nội sinh đầy sức sống, hấp lực thu hút sự nhập cư của các thành phần cư dân khác (nhất là người Nhật, người Hoa) trên mảnh đất Hội An này, góp phần nhanh chóng đưa Hội An phát triển mạnh mẽ, trở thành một trung tâm thương nghiệp - ngoại thương nổi tiếng của Đông Trong - Việt Nam. Đình làng ở Hội An được hình thành trong bối cảnh diễn tiến lịch sử, cơ tầng kinh tế - xã hội và văn hóa như vậy và qua nghiên cứu, khảo sát thực trạng những ngôi đình làng/ ấp ở Hội An hiện nay chúng tôi xin đưa ra những nhận xét như sau:

1/ Trước hết cần phải nói rằng để gọi là hoàn chỉnh, đầy đủ các thiết chế văn hóa trong các làng xã ở Hội An xưa, thì phải có 4 thiết chế văn hóa cơ bản (ngoại trừ các am, miếu, văn chỉ... tùy thuộc vào mỗi làng mà có hay không) đó là:

- **Đình:** Ngoài chức năng chung của một ngôi đình ở Việt Nam là điểm sinh hoạt cộng đồng, nơi giải quyết mọi việc trong làng - xã, nơi các bô lão, chức sắc và dân đình hội họp, bàn việc công, đình còn là một thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng bậc nhất đối với tín ngưỡng dân gian trong cộng đồng cư dân làng xã

ở Hội An. Các vị thần chủ được thờ tại đình là **Thổ thần** gồm đứng đầu có Bôn thổ Thành hoàng, Bôn thổ Thổ địa phước đức chánh thần, Cao các đại vương Tôn thần...; **Thủy thần** gồm đứng đầu có Đại càn quốc gia Nam hải Tứ vị thánh nương, Nam hải cự tộc Ngọc lân tôn thần... Ở Hội An chưa tìm thấy Thành Hoàng là nhân thần/người cụ thể thờ trong đình như ở Bắc bộ, Bắc Trung bộ. Các vị Thổ thần, Thủy thần này đều được nhà nước/vua sắc phong cho thờ tự, xếp hạng từ hạ đẳng thần, trung đẳng, đến thượng đẳng thần. Đặc biệt dưới làng, các ấp cũng xây dựng ngôi đình riêng - gọi là đình ấp.

- **Nhà thờ Tiên hiền, hậu hiền hay Từ đường của làng:** Dân gian có nơi gọi là lăng Tiên hiền (như ở Cù Lao Chàm và các làng ven biển); đình Tiên hiền, miếu tiên hiền hay với tên chữ đầy đủ như: Hội An Tiên từ/tự (của làng Hội An), Cẩm Phô hương hiền (của làng Cẩm Phô), Minh hương Tụy tiên đường (của làng Minh Hương),... Thần vị được thờ ở đây là các vị thủy tổ, tiên hiền sáng lập ra làng xã, các vị hậu hiền kế tục khai phá mở mang đất đai. Tức là các vị thủy tổ của các tộc/họ trong làng xã, tùy theo thứ tự trước, sau đến lập cư ở làng và công trạng của từng vị mà được dân làng suy tôn là Tiên hiền hay hậu hiền của làng thì đều được thờ phụng tại ngôi từ đường/nhà thờ chung của làng xã này. Tín ngưỡng thờ phụng này tuy có từ sớm, nhưng triều đình ban sắc phong diễn ra vào đầu thế kỷ 20 (thời vua Duy Tân đến Khải Định) được xếp hạng vào bậc thần hạ đẳng.

- **Miếu thờ âm linh/âm hồn:** Theo tín ngưỡng dân gian, trên mảnh đất sinh sống của mỗi làng đều có vong linh phiêu dạt, những người không có con cháu thờ tự, các chiến sĩ tử trận, các nạn nhân bị ôn dịch, bệnh tật, chiến tranh, thiên tai... chết vất vưởng tha hương, những người xiêu mò lạc mả, không nơi nương tựa... gọi là cô hồn, nên phải lập thờ tự gọi là Miếu Âm hồn hay Âm linh.

- **Ngôi chùa làng:** Khác với các ngôi chùa mang tính chất tu hành theo hệ thống giáo lý Phật giáo thường tách ra khỏi làng xóm, xa dân cư, nơi yên tĩnh thì ngôi chùa làng lại gắn chặt với cộng đồng dân cư thành một phần hữu cơ, tổng thể của thiết chế văn hóa tín ngưỡng dân gian làng - xã. Và như vậy hầu như mỗi làng đều có một ngôi chùa, ở đây không có sự xuất gia mà chỉ có cư sĩ tại gia trông coi hương khói và nghi lễ cầu cúng. Sự phối tự thờ cúng ở đây cũng khá phong phú: Thờ Phật có Tam Thế Phật, Quan Thế Âm Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Bồ Đề Đạt Ma,...; Thờ Ngọc Hoàng thượng đế hai bên có Nam Tào, Bắc Đẩu, Thập Điện Diêm Vương; Thờ thánh: Có Quan thánh Đế quân hai bên có Châu Thương và Quan Bình; Thờ Thánh Thiên Y - A - Na với hai vị công tử Hiên Tài và Hiên Quý. Bên ngoài có Kim Cang, Hộ pháp và Tiêu Diện đại sĩ... Vào những ngày lễ quan trọng tại đình, từ đường của làng thì đều phải có bái Phật, Thánh tại chùa làng và dân trong làng vào những ngày sóc, vọng cũng thường lui tới chùa để lễ bái.

Cả 4 thiết chế văn hóa này thể hiện rất rõ đặc tính nhân văn, tích hợp văn hóa của cộng đồng cư dân Hội An ứng

xử với thiên nhiên (trời - đất), với con người, đối với tiền nhân, với cư dân bản địa ở đây trước khi người Việt vào, và cả đối với những người tha phương, đất khách quê người. Đồng thời ở đây cũng thể hiện rõ nét tính đa dạng, tích hợp của nhiều yếu tố tín ngưỡng liên quan đến cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp (sông, biển), nghề thủ công... và cả sự giao thoa, tiếp biến văn hóa trên một Đô thị thương cảng quốc tế ở vùng cửa sông ven biển Faifo - Hội An, Xứ Quảng. Các yếu tố này đã góp phần tạo nên những nét riêng, đặc trưng văn hóa Hội An trên cả 2 phương diện văn hóa vật thể và phi vật thể. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là cho đến nay, trải qua quá trình lịch sử do nhiều nguyên nhân khác nhau mà hầu hết ở các làng đều có sự hợp nhất 3 thiết chế văn hóa: đình thờ thần, từ đường/nhà thờ tiền hiền, hậu hiền của làng, và miếu âm linh/âm hồn thành một thiết chế văn hóa gọi chung là Đình, thậm chí có trường hợp như ở làng Đẽ Vồng cả 4 thiết chế đều nhập chung vào một điểm nguyên là ngôi chùa làng, nay gọi chung là đình Đẽ Vồng. Hiện nay chỉ riêng làng Hội An còn giữ được 2 thiết chế riêng biệt đó là đình thờ Thần (đình Ông Voi) và nhà thờ Tiền hiền (Hội An Tiên tự). Hay ở ấp Nam Diêu (Thanh Hà) các thiết chế tập trung về một khu vực được gọi chung là Nam Diêu tổ miếu, ở đây gồm có miếu thờ thần (Thái giám Bạch mã), miếu tổ nghề, miếu âm linh, miếu Sơn Tinh.

2/ Về vị trí, không gian cảnh quan và mặt bằng tổng thể: Do vai trò đặc biệt quan trọng của đình đối với làng xã nói chung, nên việc xây dựng phải tuân theo thuyết phong thủy, phải xem hướng.

Việc chọn đất dựng đình tất nhiên được cộng đồng dân làng xem xét rất kỹ lưỡng và tuân thủ theo những nguyên tắc về dịch lý, phong thủy. Theo quan niệm chung đất phải có rồng châu, hồ phục, có sông nước, núi đồi làm yếu tố “*minh đường, hậu tâm*”, “*son triều, thủy tụ*”. Tuy nhiên trên thực tế vấn đề này ở mỗi ngôi đình làng còn phụ thuộc vào điều kiện vị trí và địa cuộc của mỗi làng. Nhìn chung vị trí xây dựng đình làng thường ở trung tâm, đầu mối giao thông của làng - xã. Đặc biệt, phải nhìn ra một dòng chảy (sông, lạch...), phía trước phải có một bức bình phong. Nhìn bên ngoài đình với quy mô, chiều cao vừa phải, mái đình không vươn lên quá cao, cong vút như đình Bắc bộ, hay như các công trình kiến trúc tín ngưỡng khác của người Hoa. Thường xung quanh đình với không gian thoáng mở, không xây tường rào, trụ biểu, cổng tam quan (*trừ những công trình nằm trong khu vực dân cư - khu vực Khu phố cổ hiện nay*). Nhìn chung, tổng quan của ngôi đình vừa riêng biệt, uy nghiêm nhưng cũng vừa hòa quyện, gắn với không gian, cảnh quan của làng - xã. Trường hợp các ngôi đình: Đền Vông, Kim Bông, Sơn Phong, Sơn Phô, Thanh Hà, Tu Lễ, Xuân Lâm... hiện có cổng tam quan, tường rào là đều mới được bổ sung xây dựng vào lần trùng tu vào những năm gần đây. Bên cạnh, phía trước đình thường có một miếu nhỏ thờ thổ thần. Bình phong nằm ở chính giữa (*trục thần đạo*) chiếu vào gian giữa đình. Các bình phong đa phần có kiểu dáng khá giống nhau ở một mô típ dạng cuốn thư, sự khác nhau chủ yếu về kích thước, những chi tiết kỹ thuật nhỏ hoặc đề tài đắp vẽ trang trí. Cơ bản bình phong là

một bức tường hình chữ nhật, thường cắt góc, tạo nếp gấp cuốn thư và được áp liền với hai trụ bên như hai ống quyển. Trụ có thể vuông hoặc tròn, đỉnh trụ đắp búp sen hoặc núm tròn... Phía sau bình phong, trước đình thường có bàn hương án để cúng đất đai, cúng cô hồn.

3/ Quy mô, kiểu thức kiến trúc đình tùy vào điều kiện của mỗi làng - xã mà phổ biến với 3 gian 2 chái hoặc 5 gian 2 chái hay 1 gian 2 chái. Sau gian/căn giữa có một nhà nhỏ, mái cao hẳn lên gọi là chánh/chính tâm hay hậu tâm là nơi uy nghiêm nhất. Có kết hợp với nhà Đông - nhà Tây hay tả vu - hữu vu. Riêng đình Cẩm Phô, phía trước chánh điện có thêm công trình “*phương đình*”, gồm 4 mái, có cổ diêm. Kết cấu khung chịu lực theo lối “*nhà rường*” tiêu biểu như đình Xuân Mỹ, Đền Vông... Vì/vài kèo phổ biến với hình thức “*cột trốn/cột trụ đội - kẻ chuyển*”, “*thượng kèo - hạ kẻ*”. Mặt tiền luôn có 3 bộ cửa thượng song - hạ bản đặt theo 3 gian. Riêng đình thờ thần của làng Hội An (*đình Ông Voi*), Tụy Tiên Đường Minh Hương của làng Minh Hương có quy mô lớn gồm chánh điện - tiền đình, cách nhau một khoảng sân, 2 bên có nhà Đông - nhà Tây (*tả vu - hữu vu*) và hệ vì/vài kèo chủ yếu là “*vài chồng*” hoặc “*trính chồng - trụ đội*”. Trang trí trên chất liệu gỗ thuộc về không gian bên trong đình chủ yếu tập trung trên các cấu kiện chịu lực của bộ khung như trính, kèo, trụ đội, với kỹ thuật chủ yếu là chạm nổi và chạm nét. Khác với các ngôi đình ở Bắc bộ tập trung trang trí phần cấu kiện gỗ bên trong thì đình làng ở Hội An lại tập trung cho phần mái. Trên các mái đình, phần

nề với những con giống gồm tứ linh (*long, lân, quy, phụng*) hoặc đao lá... có các đề tài “*lưỡng long tranh châu*”, “*lưỡng long châu nguyệt*”... Phần đầu hồi, bờ chày được tô, đắp, vẽ khá uyển chuyển, mềm mại rất sinh động, cùng các đầu dòng ngói ở diềm mái gắn đĩa hoa văn màu lam càng làm tăng thêm vẻ đẹp uy nghiêm, bề thế của các ngôi đình làng. Tuy làng xã ở Hội An có lịch sử lâu dài, nhưng nhìn chung niên đại kiến trúc các công trình đình làng - xã ở Hội An đều được xây dựng, hoàn chỉnh vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

4/ Việc bố trí thờ tự hiện nay của các ngôi đình ở Hội An đã có phối thờ của sự hợp nhất 3 thiết chế (*đình thờ thần, nhà thờ Tiên hiền và miếu âm linh*). Ở chính giữa (*hậu tẩm*) thờ Thần/Thành hoàng, hai bên sẽ là các vị tiên hiền hậu hiền, ngoài cùng là âm linh, chiến sĩ trận vong¹...

Có thể thấy, cùng với bước chân khẩn hoang của người Việt, nhiều làng xã ra đời, kéo theo các thiết chế văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo. Ngôi đình làng hình thành, phát triển ở Hội An đã trở thành một biểu trưng văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng dân cư nơi đây và là ngôi nhà chung của cộng đồng cư dân làng xã. Hàng năm cứ vào dịp vào mùa xuân và mùa thu, dân gian gọi là “*Xuân, thu nhị kỳ*” cả dân làng lại nô nức về ngôi đình của làng mình cùng nhau tổ chức nghi lễ cúng tế. Mùa xuân thì cúng đất, cầu an, cầu một năm làm ăn thu được nhiều lợi, mưa thuận gió hòa... Mùa thu thì tạ ơn

các chư thần, tổ nghề, các bậc tiên hiền, hậu hiền đã phù hộ cho dân làng một năm làm ăn thuận lợi, cầu cho cả dân làng bước vào mùa mưa tránh được thủy tai, gió bão... Đây cũng là dịp cả dân làng cùng chung niềm tin hướng về thần linh và cùng vui, thỏa thích với các hoạt động hội hè sau lễ, tăng thêm tình đoàn kết, thương yêu nhau, giúp nhau của những người trong cùng một làng. Đình làng hẳn là một di sản văn hóa tiêu biểu, một loại hình thiết chế văn hóa giữ vai trò chủ đạo trong tín ngưỡng cộng đồng của hầu hết các làng - xã, thôn - ấp ở Hội An cần được trân trọng giữ gìn và phát huy♦

Bảng thống kê một số đình làng/ấp ở Hội An

TT	Tên đình	Địa chỉ	Cấp xếp hạng
I	Đình làng		
1	Đình Cẩm Phô	Hoài Phô – Cẩm Phô	
2	Đình Sơn Phong	Phong Niên – Sơn Phong	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1991
3	Đình Đề Võng	Sơn Phô I - Cẩm Châu	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1991
4	Đình Minh Hương (Tùy tiên đường Minh Hương)	An Định – Minh An	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1993
5	Đình Xuân Mỹ	Nam Diêu – Thanh Hà	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 1993
6	Đình tiên hiền Tân Hiệp	Bãi Làng - Tân Hiệp	Cấp quốc gia, cấp bằng năm 2006
7	Đình Thanh Hà	Hậu Xá – Thanh Hà	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
8	Đình Sơn Phô	Sơn Phô II – Cẩm Châu	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
9	Đình tiên hiền Kim Bồng	Trung Châu - Cẩm Kim	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008

¹ Xem bài: Sơ đồ vị trí thờ tự tại một số ngôi đình làng/ấp ở Hội An hiện nay của tác giả Phạm Phước Tịnh, trang 23 của tập Thông tin nghiên cứu này.

10	Đình An Mỹ	An Mỹ - Cẩm Châu	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2011
11	Đình ông Voi	An Thái – Minh An	
12	Hội An tiên tự	An Thái – Minh An	
13	Đình Thanh Tây	Thanh Tây - Cẩm Châu	
II	Đình ấp		
14	Đình ấp Tu Lễ	Hoài Phô - Cẩm Phô	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
15	Đình ấp Xuân Lâm	Xuân Lâm - Cẩm Phô	Cấp tỉnh, cấp bằng năm 2008
16	Đình Xuyên Châu Trung	Xuyên Trung – Cẩm Nam	
17	Đình ấp An Bang	An Bang – Thanh Hà	
18	Đình ấp cây Giá	Thanh Đông - Cẩm Thanh	
19	Đình ấp Trường Lệ	Trường Lệ - Cẩm Châu	
20	Đình ấp Xuân Mỹ	Xuân Mỹ - Tân An	